

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN LỘC TRỜI VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2017

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2017

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý 2 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	01/04/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.932.263.681.569	4.094.605.958.781
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	2	164.992.788.629	238.358.416.245
Tiền	111		161.992.788.629	238.358.416.245
Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		26.105.916.667	25.226.250.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8	26.105.916.667	25.226.250.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.740.063.661.852	1.602.892.424.039
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3	1.754.540.005.421	1.568.947.854.218
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14.180.501.265	56.093.900.133
Phải thu ngắn hạn khác	136	4	129.260.181.679	113.513.285.355
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(157.917.026.513)	(135.662.615.667)
Hàng tồn kho	140	5	1.934.132.720.054	2.157.308.412.973
Hàng tồn kho	141		1.934.132.720.054	2.161.419.054.346
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(4.110.641.373)
Tài sản ngắn hạn khác	150		66.968.594.367	70.820.455.524
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	13.029.390.935	16.662.436.781
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		53.939.203.432	53.357.374.609
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	345.176.569
Tài sản ngắn hạn khác	155			455.467.565
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.859.844.532.991	1.906.002.128.126
Tài sản cố định	220		1.515.912.353.540	1.552.856.031.186
Tài sản cố định hữu hình	221	6	1.185.568.583.437	1.216.844.391.292
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>1.712.371.147.216</i>	<i>1.718.715.660.900</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(526.802.563.779)</i>	<i>(501.871.269.608)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	7	330.343.770.103	336.011.639.894
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>335.423.077.680</i>	<i>340.391.262.062</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(5.079.307.577)</i>	<i>(4.379.622.168)</i>
Tài sản dở dang dài hạn	240		192.203.916.264	206.082.181.352
Xây dựng cơ bản dở dang	242		192.203.916.264	206.082.181.352

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	01/04/2017 VND
Đầu tư tài chính dài hạn	250		202.000.000	202.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		202.000.000	202.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		151.526.263.187	146.861.915.588
Chi phí trả trước dài hạn	261		133.041.960.583	129.932.441.084
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		18.143.994.135	16.573.697.468
Lợi thế thương mại	269		340.308.469	355.777.036
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.792.108.214.560	6.000.608.086.907
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.689.070.212.355	3.754.942.291.031
Nợ ngắn hạn	310		3.640.065.873.205	3.633.615.226.736
Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	1.009.732.415.281	680.928.257.335
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		25.832.999.788	39.394.460.380
Thuế phải nộp Nhà nước	313	11	74.423.345.974	43.902.404.130
Phải trả người lao động	314		33.121.146.488	9.804.801.186
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	47.409.912.071	59.654.530.646
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	226.263.732.451	20.598.640.428
Vay ngắn hạn	320	14(a)	2.166.483.264.150	2.749.410.910.729
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			276.871.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	15	56.799.057.002	29.644.350.903
Nợ dài hạn	330		49.004.339.150	121.327.064.295
Phải trả dài hạn khác	337		1.640.000.000	
Vay dài hạn	338	14(b)	-	73.705.375.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		47.364.339.150	47.621.689.295

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	01/04/2017 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.103.038.002.205	2.245.665.795.876
Vốn chủ sở hữu	410	16	2.103.038.002.205	2.245.665.795.876
Vốn cổ phần	411	17	671.611.500.000	671.611.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		278.073.000.000	278.073.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		484.436.714	
Quỹ đầu tư phát triển	418		759.424.612.054	683.453.063.883
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		184.333.305.366	169.754.978.771
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		184.557.807.062	413.562.838.803
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		334.859.555.015	334.859.555.015
- Chi trả cổ tức	421a		(201.483.450.000)	
- Trích lập và hoàn nhập các quỹ	421a		(144.961.800.532)	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		196.143.502.579	78.703.283.788
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		24.553.341.009	29.210.414.418
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.792.108.214.560	6.000.608.086.907

Ngày 15 tháng 7 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Tấn Hoàng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Thôn
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý 2 năm 2017

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Quý 2/2017 VND	Quý 2/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	2.589.320.927.523	1.796.155.691.036
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	160.725.114.804	42.092.601.640
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	18	2.428.595.812.719	1.754.063.089.396
Giá vốn hàng bán	11	19	1.933.201.780.953	1.443.707.023.023
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		495.394.031.766	310.356.066.373
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	3.380.286.413	4.605.393.782
Chi phí tài chính	22	21	39.137.850.127	34.569.010.862
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		33.344.915.414	31.838.777.161
Chi phí bán hàng	25	22	225.814.672.695	106.189.782.470
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	92.533.474.189	88.162.772.957
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {(30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		141.288.321.168	86.039.893.866
Thu nhập khác	31	24	8.548.662.818	121.666.153
Chi phí khác	32		(21.902.750)	620.003.060
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		8.570.565.568	(498.336.907)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		149.858.886.736	85.541.556.959
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	33.256.500.070	11.730.905.255
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	25	(696.346.844)	3.562.109.994
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		117.298.733.510	70.248.541.710

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Quý 2/2017 VND	Quý 2/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		117.298.733.510	70.248.541.710
Phân bổ:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		117.664.324.836	69.696.381.652
Cổ đông không kiểm soát	62		(365.591.326)	552.160.058
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.489	882

Ngày 15 tháng 7 năm 2017

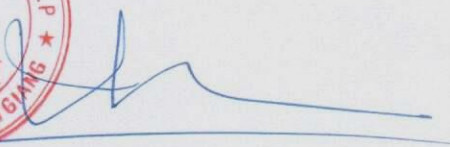
Người lập:



Nguyễn Tấn Hoàng
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Huỳnh Văn Thôn
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý 2 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	Quý	Quý
	số	minh	2/2017	2/2016
			VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		254.478.907.723	206.509.632.007
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		66.105.735.915	59.731.417.460
Các khoản dự phòng	03		(16.956.590.427)	14.788.181.882
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(447.221.498)	(6.015.492.986)
Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định	05		1.509.252.066	(50.000.000)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(1.537.384.412)	(2.427.954.771)
Chi phí lãi vay	06		57.013.067.706	61.050.673.631
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		360.171.767.073	333.586.457.223
Biến động các khoản phải thu	09		(13.775.469.240)	258.980.539.518
Biến động hàng tồn kho	10		259.055.467.533	195.295.216.466
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(578.005.676.270)	(330.002.831.043)
Biến động chi phí trả trước	12		1.912.081.342	8.351.353.239
			29.358.170.438	466.210.735.403
Tiền lãi vay đã trả	14		(57.081.016.139)	(60.399.714.257)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(57.713.973.430)	(5.889.495.175)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(61.908.218.612)	(86.456.144.727)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(147.345.037.743)	313.465.381.244
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(61.564.604.218)	(92.378.434.922)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		18.986.735.109	50.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(162.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		431.467.745	2.427.954.771
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(42.146.401.364)	(90.062.480.151)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý 2 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Quý 2/2017 VND	Quý 2/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào công ty con	31		1.600.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		2.793.651.672.189	2.585.988.661.288
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.606.046.169.344)	(2.877.435.250.732)
Tiền chi trả cổ tức cho chủ sở hữu của Công ty	36		(112.864.110.000)	(656.475.000)
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36		(1.166.391.163)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		75.175.001.682	(292.103.064.444)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(114.316.437.425)	(68.700.163.351)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		278.935.723.403	190.191.854.524
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		265.047.896	(317.561.432)
Ảnh hưởng của quy đổi hoạt động ở nước ngoài	61		108.454.755	(210.521.461)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	2	164.992.788.629	120.963.608.280

Ngày 15 tháng 7 năm 2017

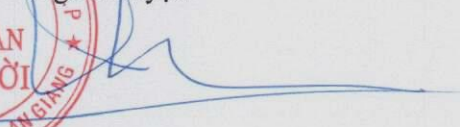
Người lập:



Nguyễn Tấn Hoàng
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Huỳnh Văn Thôn
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh/Doanh nghiệp số**

1600192619

ngày 27 tháng 9 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 1600192619 ngày 9 tháng 11 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Văn Thòn
Ông Nguyễn Mỹ
Ông Lê Phước Đức

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
(đến ngày 28 tháng 4 năm 2017)

Ông Nguyễn Tiến Tùng
Ông Võ Văn Á
Bà Nguyễn Thị Âm
Ông Phạm Thanh Thọ
Ông Trần Quốc Thanh
Bà Thủy Vũ Dropsey

Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 29 tháng 4 năm 2017)

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Thành viên
(đến ngày 28 tháng 4 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Văn Thòn
Ông Nguyễn Mỹ
Ông Lê Phước Đức

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 26 tháng 2 năm 2017)

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 26 tháng 2 năm 2017)

Ban Kiểm soát

Ông Trần Tiến Dũng
Bà Lê Thu Hiền
Phan Bá Ngọc Phương
Bà Võ Thị Thùy Tiên
Huỳnh Thanh Nhuận

Trưởng Ban Kiểm soát
Phó Trưởng Ban Kiểm soát Ông
Thành viên
Thành viên Ông
Thành viên
(đến ngày 28 tháng 4 năm 2017)

Trụ sở đăng ký

Số 23 Đường Hà Hoàng Hồ
Phường Mỹ Xuyên
Thành phố Long Xuyên Tỉnh
An Giang
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt
Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2017

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty quý 2 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh thuốc trừ sâu; sản xuất và kinh doanh phân bón; nghiên cứu và sản xuất giống cây trồng; cung cấp dịch vụ trồng trọt; sản xuất giấy và bao bì từ giấy và bìa; sản xuất và bán buôn gạo, thực phẩm; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; xây dựng và kinh doanh bất động sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có 13 công ty con (1/1/2017: 13 công ty con), chi tiết như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền sở hữu/ quyền biểu quyết	
		30/6/2017	1/4/2017
Công ty Bảo vệ thực vật An Giang – Campuchia	Kinh doanh thuốc trừ sâu	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An (*)	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ Ân Thịnh Điền (*)	Sản xuất và kinh doanh phân bón	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Cà phê Hương Vị Trời	Sản xuất và bán buôn cà phê	100%	100%
Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh	Nghiên cứu và sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao	76,51%	76,51%
Công ty TNHH Trích ly dầu cám Vĩnh Hòa (*)	Trích ly dầu cám	60%	60%
Công ty Cổ phần Lộc Trời Miền Bắc	Kinh doanh thuốc trừ sâu, phân bón và gạo	60%	60%
Công ty Cổ phần Địa Ốc An Giang	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	50,44%	50,44%

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn vẫn chưa góp vốn vào các công ty này. Các công ty này đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có 3.424 nhân viên (1/1/2017: 3.549 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017 VND	1/4/2017 VND
Tiền mặt	19.769.548.678	13.861.235.896
Tiền gửi ngân hàng	142.223.239.951	224.497.180.349
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	164.992.788.629	238.358.416.425

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2017 VND	1/4/2017 VND
Nguyễn Minh Hùng	11.231.443.002	11.321.143.002
Công ty TNHH Thiên Thủy Dương	11.195.607.350	11.195.607.350
Công ty TNHH Tân Sáng	8.251.934.225	11.413.894.725
Các khách hàng khác	1.723.861.020.844	1.535.017.209.141
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.754.540.005.421	1.568.947.854.218

4. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	1/4/2017 VND
Tạm ứng cho người lao động	55.004.661.243	50.316.015.144
Phải thu Nhà nước từ cổ phần hóa	13.148.729.781	13.148.729.781
Phải thu từ chiết khấu mua hàng được hưởng	15.834.183.494	
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.057.671.558	893.062.908
Phải thu hỗ trợ từ đối tác	8.030.965.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	36.183.970.603	49.155.477.522
Phải thu ngắn hạn khác	129.260.181.679	113.513.285.355

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Hàng tồn kho

	30/6/2017		1/4/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	24.511.451.010	-	-	-
Nguyên vật liệu	496.149.157.667	-	618.766.400.499	(455.277.525)
Công cụ và dụng cụ	11.077.047.931	-	7.163.312.503	-
Sản phẩm dở dang	32.716.745.415	-	26.868.047.583	-
Thành phẩm	417.792.720.320	-	496.972.378.155	(3.655.363.848)
Hàng hóa	910.430.147.921	-	962.333.608.851	-
Hàng gửi đi bán	41.455.449.790	-	49.315.306.755	-
	1.934.132.720.054	-	2.161.419.054.346	(4.110.641.373)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	30/6/2017 VND	1/4/2017 VND
Số dư đầu kỳ	4.110.641.373	23.057.441.417
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(4.110.641.373)	(18.946.800.044)
Số dư cuối kỳ	-	4.110.641.373

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	722.935.461.131	684.145.852.266	289.085.560.161	22.548.787.342	1.718.715.660.900
Tăng trong kỳ	419.020.109	10.424.646.224	5.785.976.633	971.906.919	17.601.549.885
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	(10.243.771.813)	143.097.141	653.543.636	1.047.324.670	(8.399.806.366)
Thanh lý	(5.257.751.950)	(4.316.253.744)	(5.972.251.509)	-	(15.546.257.203)
Số dư cuối kỳ	707.852.957.477	690.397.341.887	289.552.828.921	24.568.018.931	1.712.371.147.216
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	136.374.880.795	211.046.211.546	141.524.133.189	12.926.044.078	501.871.269.608
Khấu hao trong kỳ	4.117.340.322	16.771.867.710	8.349.584.574	1.858.818.439	34.254.804.065
Thanh lý	-	(1.069.845.815)	(5.096.471.059)	-	(6.166.316.874)
Số dư cuối kỳ	140.492.221.117	226.748.233.441	144.777.246.704	14.784.862.517	526.802.563.779
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	586.560.580.336	473.099.640.720	147.561.426.972	9.622.743.264	1.216.844.391.292
Số dư cuối kỳ	567.360.736.360	463.649.108.446	144.775.582.217	9.783.156.414	1.185.568.583.437

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	329.764.824.258	10.626.437.804	340.391.262.062
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.789.965.718	-	3.789.965.718
Thanh lý	(8.758.150.100)	-	(8.758.150.100)
Số dư cuối kỳ	324.796.639.876	10.626.437.804	335.423.077.680
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	875.969.485	3.503.652.683	4.379.622.168
Khấu hao trong kỳ	424.613.046	275.072.363	699.685.409
Số dư cuối kỳ	1.300.582.531	3.778.725.046	5.079.307.577
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	328.888.854.773	7.122.785.121	336.011.639.894
Số dư cuối kỳ	323.496.057.345	6.847.712.758	330.343.770.103

8. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng. Các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất năm từ 8,7% đến 9%.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2017 VND	1/4/2017 VND
Phí bảo hiểm trả trước	2.747.683.622	4.010.497.226
Chi phí thuê hoạt động trả trước	3.863.126.194	3.176.785.957
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.418.581.119	9.475.153.598
Tổng	13.029.390.935	16.662.436.781

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2017 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/4/2017 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Syngenta Việt Nam	787.766.791.061	496.087.165.334
Eastchem Co., Ltd	72.677.695.556	45.589.434.150
Dow Agro-Sciences (Malaysia) Sdn Bhd	29.173.185.750	-
Công ty TNHH UPL Việt Nam	34.142.842.154	16.546.732.650
Các nhà cung cấp khác	85.971.900.760	122.704.925.201
	<hr/>	<hr/>
	1.009.732.415.281	680.928.257.335

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/4/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã căn trừ trong kỳ VND	Số được hoàn trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.762.957.462	234.500.337.307	(186.564.013.740)		(39.860.619.695)	16.838.661.334
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.514.272.171	33.480.997.784	-	-	(753.765.837)	59.241.504.118
Thuế thu nhập cá nhân	7.274.197.147	3.211.681.420	-	(13.864.102.234)	1.710.837.559	(1.667.386.108)
Các loại thuế khác	1.350.977.350	8.897.060.830	-	-	(10.237.471.550)	10.566.630
	43.902.404.130	280.090.077.341	-186.564.013.740	-13.864.102.234	-49.141.019.523	74.423.345.974

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2017 VND	1/4/2017 VND
Chi phí khuyến mãi bán hàng phải trả cho đại lý	41.203.911.355	34.271.729.680
Chi phí lãi vay	2.935.099.078	9.063.360.658
Nhượng quyền thương mại	-	2.229.262.156
Chi phí phải trả khác	3.270.901.638	14.090.178.152
	<hr/>	<hr/>
	47.409.912.071	59.654.530.646

13. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	1/4/2017 VND
Cổ tức phải trả của Công ty	201.873.315.000	2.030.295.963
Cổ tức phải trả của một công ty con	34.926.800	
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	8.318.878.144	7.288.681.258
Bảo hiểm y tế, xã hội và thất nghiệp phải trả	5.593.242.708	6.665.245.987
Phải trả ngắn hạn khác	10.443.369.799	4.614.417.220
	<hr/>	<hr/>
	226.263.732.451	20.598.640.428

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn

(a) Vay ngắn hạn

	1/4/2017	30/6/2017
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	2.520.381.685.729	1.941.546.889.150
	Tăng VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND
	726.801.994.864	(288.575.000)
	Giảm VND	Biến động trong kỳ
	147.427.025.000	(151.519.875.000)
Vay dài hạn đến hạn trả	229.029.225.000	224.936.375.000
	874.229.019.864	(288.575.000)
	(1.456.868.091.443)	2.166.483.264.150

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2017 VND	1/4/2017 VND
Vay dài hạn	224.936.375.000	302.734.600.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(224.936.375.000)	(229.029.225.000)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	73.705.375.000
	<hr/>	<hr/>

15. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Quý 2/2017 VND	Quý 2/2016 VND
Số dư đầu kỳ	47.908.590.719	84.567.293.971
Trích từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ	52.376.658.000	47.851.282.000
Sử dụng quỹ trong kỳ	(43.486.191.717)	(67.531.320.895)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	56.799.057.002	64.887.255.076
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lạc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 4 năm 2016	671.611.500.000	278.073.000.000	671.211.802.746	166.350.647.298	371.628.834.023	24.183.337.612	2.183.059.121.679	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	69.533.285.724	(1.320.617.408)	68.212.668.316	
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	40.103.564.904	29.570.256.000	(69.673.820.904)	-	
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(47.851.282.000)	(47.851.282.000)	
Chênh lệch do quy đổi hoạt động ở nước ngoài	-	-	222.315.161	-	-	-	222.315.161	
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	(201.483.450.000)	-	(201.483.450.000)	
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(6.607.766.587)	-	(6.607.766.587)	
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	671.611.500.000	278.073.000.000	222.315.161	711.315.367.650	189.313.136.711	22.862.720.204	1.995.551.606.569	
Số dư tại ngày 1 tháng 4 năm 2017	671.611.500.000	278.073.000.000	683.453.063.883	169.754.978.771	413.562.838.803	29.210.414.418	2.245.665.795.875	
Cổ đồng không kiểm soát góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	-	(1.936.279.635)	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	117.440.218.791	(141.485.280)	117.298.733.511	
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	78.379.858.316	20.410.842.000	(92.744.947.348)	4.816.620.290	
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(52.216.853.184)	(159.804.816)	
Chênh lệch do quy đổi hoạt động ở nước ngoài	-	-	484.436.714	-	-	-	484.436.714	
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	(201.483.450.000)	(1.190.371.000)	(202.673.821.000)	
Sử dụng các quỹ	-	-	(2.408.310.145)	(5.832.515.405)	-	-	(8.240.825.550)	
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	671.611.500.000	278.073.000.000	484.436.714	759.424.612.054	184.333.305.366	24.553.341.009	2.103.038.002.205	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/4/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
Vốn cổ phần phổ thông đã phát hành	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
	30/6/2017		1/4/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần của Nhà nước	16.221.600	162.216.000.000	16.221.600	162.216.000.000
Vốn cổ phần của các cổ đông khác	50.939.550	509.395.500.000	50.939.550	509.395.500.000
	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Quý 2/2017 VND	Quý 2/2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	1.554.529.266.428	898.385.940.076
▪ Lương thực – Gạo	745.742.849.759	623.788.993.751
▪ Hạt giống cây trồng	243.216.299.444	199.889.471.274
▪ Bao bì	34.423.535.235	42.608.386.991
▪ Xây dựng	11.408.976.657	30.334.278.045
▪ Khác	-	1.148.620.899
	2.589.320.927.523	1.796.155.691.036
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu	(160.725.114.804)	(42.092.601.640)
Doanh thu thuần	2.428.595.812.719	1.754.063.089.396

19. Giá vốn hàng bán

	Quý 2/2017 VND	Quý 2/2016 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	1.008.723.499.872	652.859.752.507
▪ Lương thực – Gạo	737.555.841.878	575.056.306.341
▪ Hạt giống cây trồng	174.197.969.484	158.152.193.668
▪ Bao bì	28.262.166.742	34.650.200.338
▪ Xây dựng	7.519.744.394	27.433.111.711
▪ Khác	-	346.272.823
▪ Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(23.057.441.417)	(4.790.814.365)
	1.933.201.780.953	1.443.707.023.023

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2/2017 VND	Quý 2/2016 VND
Lãi tiền gửi	186.178.202	444.876.058
Cổ tức	-	(8.881.074.018)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.704.136.998	7.087.700.173
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	447.221.498	6.015.492.986
Doanh thu hoạt động tài chính khác	42.749.715	(61.601.417)
	<hr/> 3.380.286.413	<hr/> 4.605.393.782

21. Chi phí tài chính

	Quý 2/2017 VND	Quý 2/2016 VND
Chi phí lãi vay	33.344.915.414	31.838.777.161
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	4.004.314.595	972.031.350
Chi phí tài chính khác	1.788.620.118	1.758.202.351
	<hr/> 39.137.850.127	<hr/> 34.569.010.862

22. Chi phí bán hàng

	Quý 2/2017 VND	Quý 2/2016 VND
Chi phí cho nhân viên	54.167.493.406	74.040.996.062
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	77.493.152.612	7.182.163.407
Chi phí hội nghị khách hàng	37.211.594.423	1.972.741.489
Chi phí vận chuyển	10.798.185.010	5.839.529.657
Chi phí vật liệu bao bì	13.142.037.893	5.769.621.481
Chi phí xuất khẩu	4.010.207.070	3.052.566.836
Công tác phí	10.530.637.025	3.058.490.230
Khấu hao và phân bổ	3.829.735.101	3.601.093.403
Chi phí khác	14.631.630.155	1.672.579.905
	<hr/> 225.814.672.695	<hr/> 106.189.782.470

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 2/2017	Quý 2/2016
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	35.988.458.969	42,129,726,027
Chi phí giao tế	3.931.587.326	3,779,579,752
Khấu hao và phân bổ	5.995.164.997	5,332,414,454
Chi phí đồ dùng văn phòng	677.290.471	2,132,269,969
Công tác phí	3.362.133.074	3,076,474,473
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.802.249.809	2.353.347.819
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	24.464.145.301	19.895.507.152
Chi phí khác	16.312.444.242	9.463.453.311
	<hr/> 92.533.474.189	<hr/> 88.162.772.957

24. Thu nhập khác

	Quý	Quý
	2/2017	2/2016
	VND	VND
Hỗ trợ nhận từ các đối tác	8.537.290.267	71.666.153
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình		50.000.000
Thu nhập khác	11.372.551	
	<hr/> 8.548.662.818	<hr/> 121.666.153

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Quý 2/2017 VND	Quý 2/2016 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành Kỳ hiện hành	33.256.500.070	11.730.905.255
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(696.346.844)	3.562.109.994
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	32.560.153.226	15.293.015.249

(b) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế trong kỳ.

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số tạm phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 67.161.150 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 67.161.150 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Quý 2/2017 VND	Quý 2/2016 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	117.298.733.510	70.248.541.710
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	17.594.810.027	10.537.281.257
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	99.703.923.484	59.711.260.454

(*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính bằng 15% lợi nhuận thuần trong kỳ của Tập đoàn. Tỷ lệ này bằng với tỷ lệ phân bổ được các cổ đông phê duyệt trong các năm trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Quý 2/2017 Số cổ phiếu	Quý 2/2016 Số cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	67.161.150	67.161.150

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 2016, Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng.

Ngày 15 tháng 7 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Tấn Hoàng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Thôn
Tổng Giám đốc

